



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định Thành lập số** 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số** 055188 ngày 23 tháng 8 năm 1999

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200580975 ngày 11 tháng 2 năm 2015.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch
	Bà Trịnh Thị Ngọc Biển	Ủy viên
	Ông Đậu Công Lưu	Ủy viên
	Ông Nguyễn Cao Thắng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Dũng	Ủy viên
	Ông Nguyễn Chí Kiên	Ủy viên
	Ông Đỗ Hồng Trường	Ủy viên
	Ông Vũ Trường Giang	Ủy viên
Ông Mai Tiến Sỹ	Ủy viên	

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Mai Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 6 tháng 1 năm 2017)

<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Tạ Kim Chi	Trưởng ban
	Bà Đặng Thúy Định	Thành viên
	Ông Vũ Xuân Trường	Thành viên

**Trụ sở đăng ký** Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ  
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, 24 -03- 2017



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính tổng hợp này trong báo cáo kiểm toán ngày 24 tháng 3 năm 2016.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-149-4



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2017

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>106.258.337.330</b>	<b>100.897.903.959</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>43.448.521.804</b>	<b>38.635.046.676</b>
Tiền	111		17.348.521.804	12.285.046.676
Các khoản tương đương tiền	112		26.100.000.000	26.350.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.725.400.000</b>	<b>11.980.544.577</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5(b)	967.760.500	2.569.907.774
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(b)	(642.360.500)	(1.046.921.530)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	8.400.000.000	10.457.558.333
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>48.928.804.300</b>	<b>47.024.594.361</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	46.502.636.921	38.777.742.161
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.652.551.600	8.785.088.052
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	3.064.949.361	2.400.319.405
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.291.333.582)	(2.938.555.257)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>4.269.407.421</b>	<b>1.594.468.128</b>
Hàng tồn kho	141		4.269.407.421	1.594.468.128
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>886.203.805</b>	<b>1.663.250.217</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		321.354.832	1.177.345.073
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		49.459.278	485.905.144
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16(a)	515.389.695	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này*

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>135.939.324.752</b>	<b>151.902.267.641</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>33.863.030.708</b>	<b>35.061.001.718</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212	10	31.472.266.332	32.319.981.684
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	2.390.764.376	2.741.020.034
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.284.473.536</b>	<b>33.852.146.244</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	28.284.473.536	33.852.146.244
<i>Nguyên giá</i>	222		117.235.150.343	118.453.060.707
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(88.950.676.807)	(84.600.914.463)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>49.573.783.826</b>	<b>41.308.958.414</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	49.573.783.826	41.308.958.414
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(c)</b>	<b>17.994.721.833</b>	<b>35.340.307.522</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		5.400.000.000	3.600.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.594.424.002	33.594.424.002
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(20.999.702.169)	(1.854.116.480)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.223.314.849</b>	<b>6.339.853.743</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	6.100.717.734	6.339.853.743
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	122.597.115	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>242.197.662.082</b>	<b>252.800.171.600</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này*


**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>88.253.131.243</b>	<b>87.050.998.780</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.809.147.017</b>	<b>34.463.644.106</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	22.258.858.718	17.631.406.924
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		50.480.475	775.906.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(b)	2.052.054.368	4.145.698.884
Phải trả người lao động	314		2.797.939.551	5.907.542.348
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.751.120.107	3.457.453.472
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	726.981.816
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	4.898.693.798	1.586.775.980
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	-	231.878.182
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>52.443.984.226</b>	<b>52.587.354.674</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	52.443.984.226	52.587.354.674
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>153.944.530.839</b>	<b>165.749.172.820</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>153.944.530.839</b>	<b>165.749.172.820</b>
Vốn cổ phần	411	21	90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(20.000)	(20.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	16.830.983.651	12.315.446.218
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.113.567.188	43.433.746.602
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		26.574.405.212	25.995.248.480
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		539.161.976	17.438.498.122
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>242.197.662.082</b>	<b>252.800.171.600</b>

24 -03- 2017

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà  
 Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>234.753.937.100</b>	<b>234.311.070.126</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>206.391.551.338</b>	<b>210.190.685.342</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>28.362.385.762</b>	<b>24.120.384.784</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.905.627.834	5.232.499.688
Chi phí tài chính	22	28	19.457.321.824	1.115.835.839
Chi phí bán hàng	25		198.200.724	421.978.153
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	11.739.295.615	5.587.480.614
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(126.804.567)</b>	<b>22.227.589.866</b>
Thu nhập khác	31	30	1.448.427.558	1.068.271.109
Chi phí khác	32		904.134.130	528.272.799
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>544.293.428</b>	<b>539.998.310</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>417.488.861</b>	<b>22.767.588.176</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>924.000</b>	<b>4.705.438.444</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>32</b>	<b>(122.597.115)</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>539.161.976</b>	<b>18.062.149.732</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	58	1.770

24 -03- 2017

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà  
Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>417.488.861</b>	<b>22.767.588.176</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		5.853.739.297	5.240.149.462
Các khoản dự phòng	03		19.674.580.214	876.298.280
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(185.312.569)	(190.179.260)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.398.992.735)	(4.419.684.537)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>22.361.503.068</b>	<b>24.274.172.121</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(601.416.140)	(19.089.403.855)
Biến động hàng tồn kho	10		(2.674.939.293)	3.037.294.387
Biến động các khoản phải trả	11		1.589.401.144	3.693.342.524
Biến động chi phí trả trước	12		1.003.605.294	(5.406.329.724)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	802.375.320
			<b>21.678.154.073</b>	<b>7.311.450.773</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.905.920.141)	(8.878.469.889)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		203.423.322	203.670.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.979.107.861)	(3.213.733.051)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>15.996.549.393</b>	<b>(4.577.082.167)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(8.524.725.412)	(9.652.086.009)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		923.418.182	744.875.465
Gửi tiền vào tiền gửi có kỳ hạn	23		(8.400.000.000)	-
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		10.457.558.333	(357.558.333)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(1.800.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.104.067.700	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.461.668.220	3.946.523.279
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.778.012.977)</b>	<b>(5.318.245.598)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này*

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền trả cổ tức	36		(7.545.997.600)	(11.073.331.270)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.545.997.600)</b>	<b>(11.073.331.270)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>4.672.538.816</b>	<b>(20.968.659.035)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	38.635.046.676	59.592.063.490
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		140.936.312	11.642.221
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>43.448.521.804</b>	<b>38.635.046.676</b>

24-03-2017

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà  
Người lập

Người duyệt:



Đâu Anh Dũng  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này*

## **Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp nhà nước Công ty Phát triển Hàng hải, đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3562/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các chi nhánh phụ thuộc.

### **(b) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 5 đơn vị trực thuộc (1/1/2016: 5 đơn vị trực thuộc) sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải	Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại tỉnh Quảng Ninh	Số 7, Ngõ 6, Phố Hải vân, Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 3, Tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Thành phố Hà Nội	Tòa nhà Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng Hải Quốc tế Hà Nội – OCEAN PARK, số 1, Phố Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải tại Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	B8 Trần Bình Trọng, Phường Nguyễn An Ninh, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ môi giới thuê tàu biển;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuế hải quan, kinh doanh xăng dầu; và
- Dịch vụ cho thuê container.

#### **(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 205 nhân viên (1/1/2016: 205 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính tổng hợp, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

## **Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên ba tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	4 – 7 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**(ii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí sửa chữa định kỳ phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 năm đến 2 năm.



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(n) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và trong năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

## Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

### Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc xác định rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất tại một vùng địa lý chính là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

#### (p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	1.183.832.066	1.721.216.109
Tiền gửi ngân hàng	16.164.689.738	10.563.830.567
Các khoản tương đương tiền	26.100.000.000	26.350.000.000
	<hr/>	<hr/>
	43.448.521.804	38.635.046.676

Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có một khoản tiền gửi có giá trị 2.000 triệu VND bị hạn chế sử dụng theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh với một ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam (1/1/2016: 0 VND).

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	8.400.000.000	8.629.822.778	10.457.558.333	10.689.547.140

Trong tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 có một khoản tiền gửi có giá trị 2.000 triệu VND bị hạn chế sử dụng theo Thỏa thuận cấp bảo lãnh với một ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam.

(\*). Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá trị gốc khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác với giá trị 230 triệu VND (2015: 232 triệu VND). Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở một ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 1 tháng 1 năm 2016.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2016			1/1/2016				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu								
• Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)	-	-	-	-	10.824	383.929.077	240.292.800	143.636.277
• Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)	-	-	-	-	19.272	742.645.500	485.654.400	256.991.100
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ FPT (FPT)	-	-	-	-	3.593	237.948.000	173.541.900	64.406.100
• Công ty Cổ phần Đại lý Liên hiệp Vận chuyển (GMD)	-	-	-	-	3.330	203.749.750	141.192.000	62.557.750
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (VNA)	15.000	272.760.500	25.200.000	247.560.500	15.000	272.760.500	34.500.000	238.260.500
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOS)	10.000	195.000.000	10.200.000	184.800.000	10.000	195.000.000	27.000.000	168.000.000
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam (VLG)	50.000	500.000.000	290.000.000	210.000.000	50.000	500.000.000	400.000.000	110.000.000
• Cổ phiếu khác	-	-	-	-	-	33.874.947	1.381.800	3.069.803
		967.760.500	325.400.000	642.360.500		2.569.907.774	1.503.562.900	1.046.921.530

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016				1/1/2016						
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:											
▪ Công ty liên kết											
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Hải Âu	Hải Phòng, Việt Nam	540.000	24,1%	5.400.000.000	-	(*)	360.000	27,7%	3.600.000.000	-	(*)
▪ Đơn vị khác											
• Công TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinalines	Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam		11,3%	33.594.424.002	20.999.702.169	(*)		11,3%	33.594.424.002	1.854.116.480	(*)
				<b>38.994.424.002</b>	<b>20.999.702.169</b>	<b>(*)</b>			<b>37.194.424.002</b>	<b>1.854.116.480</b>	<b>(*)</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam	-	131.019.250
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	-	359.981.110
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	-	363.865.000
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng	1.861.053.069	1.861.053.069
Công ty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)	194.297.440	101.935.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	-	8.380.751
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Cảng Phước Long	4.699.380.129	5.012.185.994
Công ty Toyota Việt Nam	3.481.574.470	3.740.427.130
Các khách hàng khác	36.266.331.813	27.198.894.857
	<hr/>	<hr/>
	46.502.636.921	38.777.742.161

Khoản phải thu từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	-	16.667.849
<b>Bên thứ ba</b>		
Phải thu tiền lãi	263.157.500	266.594.456
Phải thu người lao động	887.063.594	434.972.831
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	366.200.000	484.876.000
Phải thu tiền ký quỹ do chấm dứt hợp đồng thuê bãi	-	378.752.000
Các khoản chi hộ	850.955.662	524.083.404
Phải thu khác	697.572.605	294.372.865
	3.064.949.361	2.400.319.405

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả theo thỏa thuận.

**(b) Phải thu dài hạn khác bao gồm**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.164.869.575	1.164.869.575
Phải thu từ Công ty Cổ phần Nội thất Trang trí Hiệp Hòa Phát	1.225.894.801	1.576.150.459
	2.390.764.376	2.741.020.034



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/12/2016			1/1/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô -	trên 3 năm	1.861.053.069	1.861.053.069	-	trên 3 năm	1.861.053.069	1.861.053.069	-
Cảng Hải Phòng	từ 6 tháng đến 3 năm	965.489.991	827.099.991	138.390.000	từ 6 tháng đến 3 năm	940.289.991	509.589.344	430.700.647
Công ty Cổ phần Đường sắt Phía Nam	trên 3 năm	262.027.503	262.027.503	-	trên 3 năm	262.027.503	262.027.503	-
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Hóa	trên 1 năm	414.787.634	341.153.019	73.634.615	trên 1 năm	374.218.185	305.885.341	68.332.844
Khác								
		<u>3.503.358.197</u>	<u>3.291.333.582</u>	<u>212.024.615</u>		<u>3.437.588.748</u>	<u>2.938.555.257</u>	<u>499.033.491</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn	<u>3.291.333.582</u>	<u>2.938.555.257</u>
--------------------------------------	----------------------	----------------------

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải****Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	528.517.920	-
Nguyên vật liệu	2.361.708.995	-	772.634.880	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.624.866.329	-	-	-
Hàng hóa	271.479.395	-	281.962.626	-
Hàng hóa bất động sản (*)	11.352.702	-	11.352.702	-
	4.269.407.421	-	1.594.468.128	-

(\*) Đây là phần diện tích đất nền 432,22 m<sup>2</sup> chưa bàn giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA do vướng mắc về tranh chấp đất đai (Thuyết minh 36).

**10. Trả trước cho người bán dài hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc 10 (*)	30.886.813.597	30.886.813.597
Công ty TNHH Một thành viên San lấp Mặt bằng Long Bình	440.000.000	1.220.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 710	145.452.735	213.168.087
	31.472.266.332	32.319.981.684

(\*) Khoản trả trước cho người bán dài hạn từ Công ty Cổ phần Địa Ốc 10 liên quan tới hai dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình trị giá 11.301 triệu VND (1/1/2016: 11.301 triệu VND) và Phước Long A trị giá 19.585 triệu VND (1/1/2016: 19.585 triệu VND) tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh 13).

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	65.496.448.801	24.334.063.328	24.710.405.094	362.409.120	3.549.734.364	118.453.060.707
Tăng trong năm	-	-	259.900.000	-	-	259.900.000
Phân loại lại	-	-	-	(25.734.267)	25.734.267	-
Thanh lý trong năm	(66.259.708)	(442.800.000)	(582.740.000)	-	(386.010.656)	(1.477.810.364)
Số dư cuối năm	65.430.189.093	23.891.263.328	24.387.565.094	336.674.853	3.189.457.975	117.235.150.343
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	48.480.976.868	23.209.278.637	11.076.748.383	306.159.120	1.527.751.455	84.600.914.463
Khấu hao trong năm	1.921.201.088	448.690.778	2.911.600.958	18.750.000	461.975.517	5.762.218.341
Phân loại lại	-	-	-	(25.734.267)	25.734.267	-
Thanh lý trong năm	(44.692.342)	(442.800.000)	(582.740.000)	-	(342.223.655)	(1.412.455.997)
Số dư cuối năm	50.357.485.614	23.215.169.415	13.405.609.341	299.174.853	1.673.237.584	88.950.676.807
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	17.015.471.933	1.124.784.691	13.633.656.711	56.250.000	2.021.982.909	33.852.146.244
Số dư cuối năm	15.072.703.479	676.093.913	10.981.955.753	37.500.000	1.516.220.391	28.284.473.536

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 57.400 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 44.855 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải****Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	41.308.958.414	41.230.884.914
Tăng trong năm	8.264.825.412	78.073.500
Số dư cuối năm	49.573.783.826	41.308.958.414

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Bình (*)	31.475.517.952	31.374.394.952
Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Long A (*)	9.827.516.623	9.812.018.007
Dự án văn phòng làm việc phía Nam	8.148.203.796	-
Dự án Bãi Container Đình Vũ	122.545.455	122.545.455
	49.573.783.826	41.308.958.414

(\*) Dự án Bắc Rạch Chiềc là dự án khu đô thị được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 15/03/2001 gồm hai dự án thành phần là Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Bình và Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Long A. Hai dự án được triển khai từ năm 2001.

Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Bình được hình thành từ nguồn vốn đóng góp của cán bộ nhân viên Công ty. Đây là dự án do Công ty đứng ra quản lý, theo dõi thay mặt các cán bộ công nhân viên của Công ty theo Hợp đồng Ủy thác đầu tư số 01/UTĐT giữa Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải và Công đoàn Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển Hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại Khu dân cư Bắc Rạch Chiềc, phường Phước Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh”. Dự án Bắc Rạch Chiềc – Phước Long A là dự án do công ty đóng vai trò là nhà đầu tư thứ cấp.

Hai dự án hiện đang bị đình trệ do các nguyên nhân từ nhà đầu tư chính là Công ty Cổ phần Địa Ốc 10. Ban Tổng Giám đốc công ty đánh giá rằng trong thời gian tới khi nhà đầu tư chính giải quyết các khó khăn và tiếp tục hoàn thiện xây dựng cơ sở hạ tầng cho dự án, Công ty sẽ tiếp tục giải ngân đầu tư để hoàn thành dự án.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	4.568.419.257	1.712.871.015	17.763.325	40.800.146	6.339.853.743
Tăng trong năm	-	536.125.454	-	768.282.754	1.304.408.208
Phân bổ trong năm	(91.520.956)	(1.143.251.830)	(17.763.325)	(291.008.106)	(1.543.544.217)
Số dư cuối năm	4.476.898.301	1.105.744.639	-	518.074.794	6.100.717.734

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Giá trị thuế của các khoản lỗ trong năm	122.597.115	-
	122.597.115	-

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	8.200.923.500	8.694.388.167
<b>Bên thứ ba</b>		
Doanh nghiệp Tư nhân Phương Sơn	3.050.374.000	-
Doanh nghiệp Tư nhân Hải Giang	1.161.187.500	336.850.000
Các nhà cung cấp khác	9.846.373.718	8.600.168.757
	22.258.858.718	17.631.406.924

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty có khả năng thanh toán tất cả các khoản phải trả người bán. Tại ngày báo cáo, Công ty không có các khoản phải trả quá hạn.

Khoản phải trả công ty liên quan không phải đảm bảo, không bị tính lãi và phải trả trong vòng 2 tháng 10 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**16. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập cá nhân	15.389.695	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	500.000.000	-
	515.389.695	-

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	522.356.163	25.120.128.214	(25.036.216.064)	606.268.313
Thuế xuất nhập khẩu	-	213.830.112	(213.830.112)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.404.996.141	924.000	(3.405.920.141)	-
Thuế thu nhập cá nhân	125.870.116	1.138.868.029	(1.176.571.367)	88.166.778
Thuế nhà đất	-	74.959.231	(74.959.231)	-
Tiền thuê đất	20.000.000	6.711.546.781	(5.430.194.125)	1.301.352.656
Thuế nhà thầu	72.476.464	749.494.050	(765.703.893)	56.266.621
Các loại thuế khác	-	8.000.000	(8.000.000)	-
	4.145.698.884	34.017.750.417	(36.111.394.933)	2.052.054.368

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí khai thác bãi	2.777.350.746	2.962.268.955
Chi phí phải trả hoạt động giao nhận	147.248.973	107.971.466
Chi phí phải trả hoạt động vận tải	469.987.393	365.813.665
Chi phí phải trả hoạt động cấp dầu	57.475.255	588.392
Các khoản trích trước khác	299.057.740	20.810.994
	3.751.120.107	3.457.453.472

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Cổ tức phải trả cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	3.254.000.000	-
Tiền lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	523.416.770
<b>Bên thứ ba</b>		
Kinh phí công đoàn	257.266.032	290.632.537
Thù lao hội đồng quản trị phải trả	230.000.000	-
Tiền lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả Công ty An Phát	670.710.534	425.544.124
Tiền lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	417.372.317	-
Phải trả ngắn hạn khác	69.344.915	347.182.549
	<b>4.898.693.798</b>	<b>1.586.775.980</b>

Khoản phải trả công ty mẹ không phải đảm bảo, không bị tính lãi và phải trả khi có yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải****Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	697.000.000	1.118.500.000
Khoản góp vốn của cán bộ công nhân viên thực hiện Dự án Bắc Rạch Chiếc (*)	43.977.775.000	43.977.775.000
Lãi tiền gửi Dự án Bắc Rạch Chiếc (**)	7.769.209.226	7.491.079.674
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	52.443.984.226	52.587.354.674

(\*) Đây là khoản phải trả liên quan đến phần vốn góp của cán bộ nhân viên của Công ty ủy thác cho Công ty theo Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/UTĐT giữa Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải và Công đoàn Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện dự án “Đầu tư xây dựng Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải tại Khu dân cư Bắc Rạch Chiếc, phường Phước Bình, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình. Hiện tại, Dự án này đang bị đình trệ (Thuyết minh 12).

(\*\*) Đây là khoản lãi phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 1 tháng của cán bộ nhân viên Công ty đóng góp cho Dự án Bắc Rạch Chiếc – Phước Bình (Thuyết minh 5) với lãi suất từ 4,8% đến 5,2% một năm.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	231.878.182	1.104.889.628
Trích lập trong năm	1.543.806.357	2.128.818.315
Thu khác	203.423.322	211.903.290
Sử dụng trong năm	(1.979.107.861)	(3.213.733.051)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	231.878.182

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	8.746.758.303	41.869.100.700	160.615.839.003
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	18.062.149.732	18.062.149.732
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.568.687.915	(3.568.687.915)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.128.818.315)	(2.128.818.315)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(10.799.997.600)	(10.799.997.600)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	12.315.446.218	43.433.746.602	165.749.172.820
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	539.161.976	539.161.976
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	4.515.537.433	(4.515.537.433)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.543.806.357)	(1.543.806.357)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(10.799.997.600)	(10.799.997.600)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	90.000.000.000	20.000.000.000	(20.000)	16.830.983.651	27.113.567.188	153.944.530.839

## Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải

Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	2	20.000	2	20.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	8.999.998	89.999.980.000	8.999.998	89.999.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

### 22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 10.800 triệu VND (2015: 10.800 triệu VND).

### 23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	8.028.943.511	8.679.520.011
Trong vòng hai đến năm năm	27.399.094.419	30.458.837.021
Sau năm năm	60.542.577.415	72.340.035.836
	95.970.615.345	111.478.392.868

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	411.502	9.347.262.706	119.556,93	2.684.650.864

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được phê duyệt và ký hợp đồng	-	15.943.146.177
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	24.053.274.588	32.578.000.000
	24.053.274.588	48.521.146.177

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải****Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	49.455.146.722	53.285.818.965
▪ Cung cấp dịch vụ	185.298.790.378	181.025.251.161
Doanh thu thuần	234.753.937.100	234.311.070.126

**26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hoá đã bán	47.082.638.511	47.741.603.118
▪ Dịch vụ đã cung ứng	159.308.912.827	158.660.940.421
	206.391.551.338	206.402.543.539

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	93.810.792	848.666.847
Lãi tiền gửi	1.395.806.264	2.201.668.769
Cổ tức được chia	1.062.425.000	1.558.896.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	133.683.129	433.088.012
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	185.312.569	190.179.260
Doanh thu tài chính khác	34.590.080	-
	2.905.627.834	5.232.499.688

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	176.216.200	693.899.359
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	19.145.585.689	(98.586.232)
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	11.113.136	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	91.167.644	460.287.831
Chi phí tài chính khác	33.239.155	60.234.881
	19.457.321.824	1.115.835.839

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	5.812.850.389	4.457.470.203
Chi phí dự phòng	352.778.325	280.985.153
Chi phí khấu hao	265.691.424	128.088.977
Chi phí bằng tiền khác	215.441.750	2.012.417.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.051.718.894	2.136.503.687
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.040.814.833	360.156.771
	11.739.295.615	9.375.622.417

**30. Thu nhập khác**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	858.063.815	744.875.465
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	280.436.320	18.022.720
Thưởng do thực hiện tốt hợp đồng mua dầu	304.651.618	-
Các khoản khác	5.275.805	305.372.924
	1.448.427.558	1.068.271.109

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải****Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí sản xuất thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Chi phí nhân công	34.483.648.339	33.734.213.920
Chi phí khấu hao	5.853.739.297	5.247.776.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.022.138.638	83.858.071.439
Chi phí khác	89.583.904.501	93.360.082.545

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	-	4.705.438.444
Dự phòng thiếu trong những năm trước	924.000	-
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(122.597.115)	-
	<b>(121.673.115)</b>	<b>4.705.438.444</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	417.488.861	22.767.588.176
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	83.497.772	5.008.869.399
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.390.113	39.526.341
Thu nhập không bị tính thuế	(212.485.000)	(342.957.296)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	924.000	-
	<b>(121.673.115)</b>	<b>4.705.438.444</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016 (2015: 22%).

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo là 522.987.117 VND (2015: 15.933.331.417 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 8.999.998 cổ phiếu (2015: 8.999.998 cổ phiếu), chi tiết như sau:

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	539.161.976	18.062.149.732
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(16.174.859)	(2.128.818.315)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	522.987.117	15.933.331.417
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	8.999.998	8.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	58	1.770

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính tổng hợp, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
<b>Công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</b>		
Cổ tức được chia	5.508.000.000	5.508.000.000
Cổ tức đã trả	2.254.000.000	5.508.000.000
Lãi hợp đồng hợp tác liên doanh	-	523.416.770
<b>Công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	313.131.363	553.819.864
<b>Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.092.890.282	2.228.659.925
Bán hàng hóa	4.582.529.963	4.958.238.613
Mua dịch vụ	29.960.053.182	25.803.407.273
<b>Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao</b>		
Bán hàng hóa	833.534.546	7.007.300.278



**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải****Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>Công ty Vận tải biển Container Vinalines</b>		
Bán hàng hóa	575.820.227	344.256.455
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	3.371.371.613	3.720.471.713

**35. Nợ tiềm tàng**

Theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã bàn giao 18.137 m<sup>2</sup> đất tại phường Phước Long A và Phước Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA (“SACA”) và đổi lại Công ty nhận lại 2.943,27 m<sup>2</sup> đất nền có cơ sở hạ tầng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong dự án.

Trong năm 2007 và 2008, Công ty ký ba hợp đồng kinh tế số 1306/HĐKT VMD-SACA ngày 12 tháng 11 năm 2007, hợp đồng số 1356/HĐKT VMD-SACA ngày 14 tháng 11 năm 2007 và hợp đồng số 130/HĐ VMD-SACA ngày 30 tháng 1 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SACA (“SACA”) về việc bồi thường đất với tổng giá trị là 32.280.510.000 VND tương ứng với 2.511,05 m<sup>2</sup> đất nền có cơ sở hạ tầng, còn lại 432,22 m<sup>2</sup> đất nền có cơ sở hạ tầng Công ty chưa ký hợp đồng với SACA. Công ty đã ghi nhận doanh thu bất động sản từ các hợp đồng này theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2014 và chuyên đề thực hiện đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng Công ty nhà nước giai đoạn 2011-2015” của Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải ngày 23 tháng 9 năm 2015.

Tuy nhiên, trong diện tích đất 18.137 m<sup>2</sup> mà Công ty đã bàn giao cho SACA có một phần đất đang bị tranh chấp với Công ty TNHH Thương mại, Dịch vụ và Kinh doanh nhà Vĩnh Lộc (“Công ty Vĩnh Lộc”).

Ngày 28 tháng 7 năm 2015, Công ty đã nhận được Quyết định số 1904/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa Công ty với Công ty Vĩnh Lộc. Theo nội dung Quyết định trên, Bộ Tài nguyên Môi trường đã xác định rõ việc Công ty Vĩnh Lộc yêu cầu được công nhận quyền sử dụng cho diện tích đất tranh chấp là không có căn cứ pháp luật để giải quyết và việc căn cứ vào hàng rào ranh giới giữa Công ty và Công ty Vĩnh Lộc để công nhận quyền sử dụng đất cho các bên là không phù hợp. Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã quyết định công nhận quyền sử dụng 3.144 m<sup>2</sup> đất (thuộc khu I) cho Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải và giao Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo các cơ quan có liên quan thực hiện việc cắm mốc, xác định ranh giới trên thực địa cho Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải và Công ty Vĩnh Lộc đối với các phần đất được công nhận. Công ty dự kiến tiến hành sẽ dùng 3.144 m<sup>2</sup> đất đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công nhận quyền sử dụng và 432,22 m<sup>2</sup> đất có hạ tầng Công ty chưa bàn giao cho SACA để hoàn thành hợp đồng với SACA.

**Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải**

**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 9 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận được thư mời số 3/GM-TTr của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 3434/QĐ-TTCT ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thanh tra Chính phủ về khiếu nại của Công ty Vĩnh Lộc với Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải về quyền sử dụng đất tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 2 năm 2017, Công ty nhận được Văn bản số 896/VPCP-V.I của Văn phòng Chính phủ ký ngày 6 tháng 2 năm 2017 về việc khiếu nại của Công ty Vĩnh Lộc. Văn bản truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình, theo đó đồng ý với kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại văn bản số 2966/TTCT-C.III ngày 10 tháng 11 năm 2016, văn bản số 1096/BC-TTCT ngày 18 tháng 5 năm 2016 và ý kiến của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại văn bản số 6922/UBND-NCPC ngày 2 tháng 12 năm 2016 và yêu cầu Bộ Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh Quyết định 1904/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 7 năm 2015 về việc giải quyết tranh chấp đất đai tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và Công ty Vĩnh Lộc. Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Công ty đã gửi Thủ tướng Chính phủ văn bản số 32/2017/PTHH/BCGT báo cáo và giải trình thêm với Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết tranh chấp đất giữa Công ty và Công ty Vĩnh Lộc.

Tại ngày của báo cáo tài chính này, chưa có kết luận cuối cùng về kết quả của việc giải quyết tranh chấp này.

24 -03- 2017

Người lập:



Bùi Thị Thu Hà  
Người lập

Người duyệt:



Đặng Anh Dũng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc